

Bản án số: 02/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 07-8-2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nông Đức Thọ

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Quang Thanh
2. Bà Lục Thị Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hạ Thị Soan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Nông Tuấn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXX-ST ngày 23 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh P, sinh ngày 02/12/1992; nơi cư trú: xóm L1, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt);

2. Bị đơn: Chị V, sinh ngày 05/6/1988; nơi cư trú: xóm L1, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng; nơi ở hiện nay: xóm N, xã N1, huyện B, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt);

***Người làm chứng:**

1. Bà Ch1, sinh năm 1958; nơi cư trú: xóm N, xã N1, huyện B, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt);

2. Bà M, sinh năm 1965; nơi cư trú: xóm L1, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt);

3. S1, sinh năm 1988; nơi cư trú: xóm N, xã N1, huyện B, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt);

4. Ch, sinh năm 1991; nơi cư trú: xóm N, xã N1, huyện B, tỉnh Cao Bằng. (Có đơn xin xét xử vắng mặt);

5. S, sinh năm 1986; nơi cư trú: xóm N, xã N1, huyện B, tỉnh Cao Bằng.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt);

**Người phiên dịch tiếng dân tộc Mông*: Ông H; nơi cư trú: khu 1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2024 của nguyên đơn anh P, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị V có đăng ký kết hôn ngày 19/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N1, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, không có tiếng nói chung, ảnh hưởng rất nhiều đến đời sống chung của vợ chồng. Trong quá trình mâu thuẫn nhiều lần anh và chị V có hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và được gia đình hai bên hòa giải nhưng không thành. Nay anh xác định hôn nhân rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị V.

Về con chung: Quá trình chung sống anh P, chị V có 01 (một) con có tên gọi L, sinh ngày 28/8/2014. Cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay đang ở cùng mẹ đẻ (chị V) là người trực tiếp chăm sóc, anh P đi làm thuê xa nhà, không thường xuyên ở nhà. Khi ly hôn, chị V có nguyện vọng, tiếp tục được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Khi ly hôn anh P nhất trí thực hiện cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 1.500.000 đồng/tháng, (bằng chữ: Một triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian hôn nhân, anh P và chị V cùng xác nhận vợ, chồng không có tài sản chung, không có tài sản cho ai vay, không nợ ai. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại bản tự khai ngày 19/6/2024, tại biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2024 và tại phiên toà bị đơn chị V trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh P đăng ký kết hôn ngày 19/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N1, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Sau khi tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương tại xóm L, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng được 03 ngày thì vợ chồng chị chuyển về sinh sống tại xóm N, xã N1, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến đầu năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn, do anh P đi làm thuê về nhà thì chửi bới, đánh đập chị.

Trong quá trình mâu thuẫn gia đình chị có tổ chức hòa giải, anh P có viết cam kết không tái phạm. Đến năm 2020, anh P cùng con riêng của người vợ trước bỏ về xóm L1, xã Yên Thổ sinh sống, từ đó không quay lại chung sống với mẹ con chị V nữa. Nay anh P làm đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, chị V không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian hôn nhân chị V, anh P có với nhau 01 (Một) người con, cháu tên gọi L, sinh ngày 28/8/2014. Từ khi sinh ra đến nay khỏe mạnh và phát triển bình thường, hiện nay cháu đang sống cùng mẹ đẻ (Chị V) trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Trường hợp anh P nhất quyết ly hôn, chị V có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L.

Về việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn: Yêu cầu anh P phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 5.000.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 23/12/2020 đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian hôn nhân chị V xác nhận không có tài sản chung và nợ chung. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vấn đề khác: Trường hợp anh P nhất quyết ly hôn, chị yêu cầu chia ruộng đất của anh P tại xóm L1, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng cho con trai L; yêu cầu anh P trả một khoản tiền nuôi con riêng của anh P trong 08 năm (Từ năm 2012 đến năm 2020) mỗi ngày với số tiền 100.000 đồng/ngày = 292.000.000 đồng; yêu cầu anh P bồi thường một khoản tiền tổn thất về tinh thần cho chị với số tiền 25.000.000 đồng.

**Kết quả xác minh ngày 19/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm tại xóm L, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh P, chị V trước khi kết hôn có được tìm hiểu nhau trong một thời gian ngắn và được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, vợ chồng có đăng ký nơi cư trú tại xóm L1, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Tuy nhiên, sau ngày cưới vợ chồng không đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng chỉ ở tại gia đình anh P tại xóm L1, xã Y được 03 ngày, cả 02 vợ chồng chuyển về xóm N, xã N1, huyện B, tỉnh Cao Bằng tạm trú, buôn bán, định cư sinh sống tại xã Nam Quang đến nay. Thịnh thoàng có về xóm L1, xã Y thăm mẹ đẻ của anh P. Do vậy, về nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh P và chị V địa phương không nắm được. Đến nay anh P làm đơn khởi kiện xin ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo đúng với các quy định của pháp luật và đến xác minh, thông qua đó Chính quyền địa phương xã Y mới được biết sự việc.

Trong thời gian hôn nhân anh P, chị V có 01 (Một) con chung tên L, sinh ngày 28/8/2014. Hiện nay cháu sống chung với chị V, tạm trú tại xóm N, xã N1, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Đến nay các đương sự không định cư trên địa bàn xã Y

đối với việc giải quyết yêu cầu ly hôn và con chung, đề nghị Toà án thụ lý giải quyết theo các quy định của pháp luật. Ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Về điều kiện, hoàn cảnh kinh tế gia đình: Hiện nay anh P và chị V không có nhà ở tại nơi cư trú: xóm L1, xã Y. Tài sản chung của vợ chồng anh P, chị V tại xã Y không có. Về ruộng đất là tài sản của bố mẹ đẻ anh P, trước đó đã chia bằng miệng cho vợ chồng anh P (vợ cả đã chết vào năm 2012) có 09 thửa ruộng cạn, có nguồn gốc do bố mẹ đẻ anh P từ khai phá, diện tích khoảng 350m² trồng được khoảng 04kg giống ngô Nhà nước. Từ ngày anh P cưới chị V không thấy vợ chồng đến canh tác, trồng trọt ngày nào, các diện tích đất trên hiện chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện nay mẹ đẻ anh P (bà M) quản lý và canh tác các diện tích đất này hàng năm trồng ngô, vì không có nước để cày cấy.

** Kết quả xác minh tại xóm N, xã N1, huyện B, tỉnh Cao Bằng ngày 02/7/2024:*

Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị V đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1, huyện B, tỉnh Cao Bằng ngày 19/01/2015. Anh P và chị V được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương, sau khi kết hôn hai anh chị tạm trú xóm N, xã N1, huyện Bảo Lâm để sinh sống, cụ thể từ thời gian nào địa phương không nắm được. Quá trình mâu thuẫn giữa anh P và chị V chưa đề nghị xóm, xã hòa giải lần nào do vậy địa phương không nắm được mâu thuẫn giữa anh P và chị V. Nay, anh P làm đơn khởi kiện xin ly hôn với chị V, đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Anh P, chị V có 01 người con cháu L, sinh ngày 28/8/2024 hiện nay cháu L đang sống chung với mẹ đẻ chị V tại xóm N, xã N1, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Những năm gần đây anh P thường xuyên đi làm thuê xã, ít khi ở nhà. Trường hợp anh P và chị V ly hôn nên giao cháu L cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L để đảm bảo điều kiện sinh hoạt, học tập tốt nhất cho cháu trong thời gian tới.

Về mức sinh hoạt phí tại địa phương: Cháu L hiện nay đang học tại trường T, xã N1, huyện B, tỉnh Cao Bằng, thuộc vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn (Vùng III), hàng tháng cháu L được hưởng các khoản trợ cấp theo quy định. Mức sinh hoạt phí để nuôi một trẻ em như cháu L tại địa phương dao động từ 1.400.000 đồng/tháng đến 1.800.000 đồng/tháng, số tiền trên đảm bảo cho cháu đủ điều kiện và đảm bảo tốt trong sinh hoạt hàng tháng.

Về tài sản và các nội dung khác do các đương sự yêu cầu, địa phương không nắm được đề nghị tiếp tục được xem xét theo đúng các quy định của pháp luật Tố tụng dân sự.

** Tại biên bản lấy lời khai bà M ngày 19/6/2024 trình bày:*

Anh P và chị V được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa

phương. Sau khi cưới anh P và chị V chỉ ở lại xóm L1, xã Y 03 ngày sau đó thì chuyển về xã Tân Việt nay là xóm N, xã N1, huyện B, tỉnh Cao Bằng làm ăn sinh sống đến nay. Thỉnh thoảng cả nhà anh P mới về thăm bà nhưng chỉ đến thăm trong ngày không ngủ lại rồi lại về xóm N. Anh P và chị V có 01 con chung là cháu L, sinh năm 2014, hiện nay cháu L đang sinh sống với chị V ở xóm N, xã N1. Ở xóm L1, xã Y, anh P và chị V không có tài sản chung gì. Trước kia anh P có lấy một vợ trước nhưng đã chết, lúc đấy vợ chồng bà có chia cho anh P và vợ trước 09 thửa ruộng nhỏ để trồng trọt. Sau này anh P lấy chị V thì không ở đây canh tác mà do bà quản lý, sử dụng đến nay, khi vợ chồng bà chia ruộng cho anh P và vợ trước thì không làm văn bản, giấy tờ gì chỉ nói bằng miệng. Đất hiện nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nếu anh P và chị V ly hôn, chị V có yêu cầu chia ruộng đất ở đây bà không đồng ý vì từ khi cưới đến giờ chị V chưa ở đây ngày nào và cũng không canh tác.

**Tại biên bản lấy lời khai bà Ch1 ngày 02/7/2024 trình bày:*

Anh P và chị V được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Sau khi cưới anh P và chị V chuyển về xóm N tạm trú sinh sống. Vợ chồng lâu lâu cũng có cãi nhau, trước kia gia đình hai bên có hòa giải một lần và anh P có làm bản cam kết không tái phạm nữa. Đến khoảng tháng 11/2020 anh P bỏ về nhà mẹ đẻ ở xóm L1, xã Y từ đó không thấy anh P quay lại xóm N với mẹ con chị V nữa. Nay anh P làm đơn xin ly hôn với chị V thì bà cũng nhất trí, vì vợ chồng thực tế hiện nay không còn ở với nhau nữa. Quá trình chung sống anh P, chị V có 01 con chung cháu L hiện nay cháu đang sinh sống với chị V ở xóm N, xã N1. Trong khoảng thời gian hôn nhân vợ chồng sống chung nhưng anh P ít khi ở nhà; do vậy, không có thời gian nhiều để chăm sóc cháu L. Khi ly hôn bà đề nghị giao cháu L cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng. Về tài sản chung vợ chồng anh P, chị V không có tài sản chung, khi vợ chồng anh P chuyển đến, không đem theo tài sản gì. Đối với căn nhà hiện nay hai mẹ con chị V đang ở, anh P chỉ bỏ công sức xây nhà, còn tiền vật liệu và vật liệu xây dựng do chị V bỏ ra.

**Quá trình giải quyết vụ án, chị V cung cấp các bản tự khai của anh S1, anh Ch và anh S. Nội dung các bản bản tự khai thể hiện:*

Năm 2012, anh P, chị V tiến tới hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Gia đình anh P trú tại xóm L1, xã Y, huyện B thuộc diện gia đình hộ nghèo, vợ chồng anh P bàn bạc, thống nhất nói với gia đình tôi để chuyển về sinh sống tại xóm N, xã N1, huyện B để tạm trú làm ăn, sinh sống. Anh P, chị V có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N1, huyện B, tỉnh Cao Bằng vào ngày 19/01/2014. Thời gian đầu sống chung không có mâu thuẫn gì, anh P hay đi làm công trình để con riêng và con chung cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng, ăn học. Anh P đi làm ở xa cũng không gửi tiền về, một mình chị

V dựa vào thu nhập từ cửa hàng tạp hóa nhỏ để chăm sóc 02 con. Đến năm 2019 anh P đi làm thuê ở thành phố C nhưng không có liên lạc gì, không gửi tiền về cho chị V. Khoảng đầu năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn anh P chửi mắng, đánh đập chị V và phá đồ đạc trong nhà. Cũng trong năm 2019 anh P có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác đã có gia đình và bị chồng người phụ nữ bắt được và yêu cầu bồi thường số tiền 23.000.0000 đồng. Khi đó chúng tôi có đề nghị chị V ly hôn với anh P nhưng chị V không đồng ý, vì còn có con nhỏ nên tha thứ cho anh P, khi đó chúng tôi đề nghị anh P thông tin đến gia đình anh đến để thương lượng và có làm giấy cam kết. Đến cuối năm 2020 anh P bỏ nhà đi từ đó không có liên lạc gì đến gia đình. Về tài sản, trước năm 2009 chị V mở cửa hàng tạp hóa nhỏ tại xóm N, xã N1 và tiết kiệm được tiền mua được 04 con bò, làm nhà cửa, tất cả là tài sản riêng của chị V. Nay anh P đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm giải quyết cho anh được ly hôn với chị V, đề nghị anh P phải đưa ra được căn cứ chứng minh rằng chị V đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng.

** Phần tranh luận:*

- *Anh P tranh luận:* Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với chị V. Về con chung giao cháu L cho chị V chăm sóc, nuôi dưỡng, anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

- *Chị V đối đáp tranh luận:* Chị V không đồng ý ly hôn, trường hợp anh P nhất quyết ly hôn với chị thì yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 5.000.000 đồng/tháng; yêu cầu anh P chia ruộng đất ở xóm L1, xã Y cho cháu L; yêu cầu anh P trả tiền nuôi con riêng của anh P trong 08 năm với số tiền 100.000 đồng/ngày; Yêu cầu anh P bồi thường tổn thất về tinh thần cho chị với số tiền 25.000.000 đồng.

** Ý kiến của Kiểm sát viên:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự, người tham gia tố tụng khác trong quá trình giải quyết vụ án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuyên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân, xử cho anh P được ly hôn chị V; Về con chung: Giao cho chị V là người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu L, sinh ngày 28/8/2014. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi; Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không đề nghị xem xét. Về án phí: anh P phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo

quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh P có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung với chị V, chị V có nơi cư trú tại xóm L, xã Y, huyện B, tỉnh Cao Bằng; Căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng.

Người làm chứng Ch và S vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, có lời khai, ý kiến trong hồ sơ vụ án; Căn cứ khoản 2, Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh P và chị V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn vào ngày 19/01/2015 tại Ủy ban nhân dân xã N1, huyện B, tỉnh Cao Bằng quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh P trình bày, nguyên nhân vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên xảy ra cãi vã, mục đích hôn nhân không đạt được; do vậy, anh P làm đơn yêu cầu xin ly hôn với chị V và có yêu cầu giải quyết về con chung và vấn đề cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn. Chị V xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không đồng ý ly hôn với anh P vì tình cảm vợ chồng vẫn còn và muốn anh P quay lại đoàn tụ vợ chồng. Ngoài ra, quá trình giải quyết vụ án, chị V còn cung cấp cho Tòa án các bản tự khai của những người làm chứng, thể hiện rõ trước đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đã được gia đình hoà giải nhưng không thành, thể hiện việc mâu thuẫn giữa anh P chị V đã từng xảy ra và ngày càng trầm trọng, vì trái ngược quan điểm sống, tính tình không hợp.

Nguyên nhân mâu thuẫn, anh P khẳng định rằng do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị V khẳng định trong khi anh P đi làm thuê, có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, cả hai bên gia đình của anh P và chị V cũng không rõ nguyên nhân mâu thuẫn. Chính quyền địa phương nơi cư trú, xác nhận không rõ nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng từ đâu, các bên không cung cấp được các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ. Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa anh P và chị V thực tiễn không còn tình cảm vợ chồng, không có sự tôn trọng lẫn nhau, bất đồng quan điểm sống, không thể thống nhất với nhau từ những việc nhỏ đến lớn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ

vào các quy định của pháp luật dân sự, để có căn cứ giải quyết dứt điểm vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy, anh P đã ly thân với chị V từ năm 2020 đến nay, cuộc sống chung của vợ chồng thực tế đã không còn tồn tại, hai bên không còn quan tâm, chăm sóc giúp đỡ lẫn nhau nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Do đó, căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình hiện hành cho thấy tình trạng hôn nhân của anh P, chị V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh P xin ly hôn với chị V.

[3] Về con chung: Anh P, chị V có 01(Một) con cháu L, sinh ngày 28/8/2014, hiện nay cháu L đang sống chung với mẹ đẻ (chị V) tại xóm N, xã N1, huyện B, tỉnh Cao Bằng. Khi ly hôn cả anh P, chị V nhất trí để chị V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu L, phù hợp với đề nghị của người đại diện Chính quyền địa phương, giao cháu L cho chị V nuôi dưỡng, mặt khác cháu L có nguyện vọng ở với chị V. Do vậy, căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao cháu L cho chị V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành sẽ được đảm bảo cho cháu có điều kiện học tập và cuộc sống tốt hơn.

[4] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và tại bản tự khai ngày 08/7/2024. Anh P nhất trí mức cấp dưỡng nuôi con với số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi con cháu L đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại toà chị V giữ nguyên quan điểm của mình, yêu cầu anh P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu L với số tiền 5.000.000 đồng/tháng, ngoài ra không có ý kiến nào khác.

Hội đồng xét xử đã phân tích xét đến điều kiện, hoàn cảnh kinh tế của anh P hiện nay thấy rằng, hiện nay anh P đang đi làm thuê tại z, Ph, Quảng Ninh với mức thu nhập chính từ 7.000.000 đồng/tháng đến 8.000.000 đồng/tháng; anh P hiện nay không có tài sản gì. Thông qua việc thẩm định, xác minh về giá cả thực tiễn tại địa phương, xác định mức chi phí, sinh hoạt để nuôi dưỡng một trẻ em như cháu L với số tiền từ 1.400.000 đồng, đến 1.800.000 đồng/tháng là phù hợp. Do vậy, chị V yêu cầu mức cấp dưỡng với số tiền 5.000.000 đồng/tháng thực tế so với khả năng kinh tế và mức thu nhập hiện tại của anh P, mức sinh hoạt phí tại địa phương, không phù hợp nên không có cơ sở chấp nhận, chấp nhận mức cấp dưỡng nguyên đơn anh P tự nguyện đề nghị với số tiền 1.500.000 đồng/tháng, tiền cấp dưỡng nuôi con là phù hợp nên được chấp nhận, căn cứ theo quy định tại khoản 24, Điều 3; khoản 2, Điều 82; khoản 1, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về thời điểm cấp dưỡng: Chị V đề nghị thời điểm cấp dưỡng từ ngày 23/12/2020. Anh P được Toà án thông báo về yêu cầu của chị V nhưng không có

ý kiến. Do hai bên không thoả thuận được về thời điểm cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử xét rằng tại thời điểm 23/12/2020 thì quan hệ hôn nhân giữa anh P và chị V vẫn tồn tại hợp pháp nên cả hai đều có nghĩa vụ chăm sóc, nuôi dưỡng cháu L, chị V yêu cầu cấp dưỡng từ thời điểm ngày 23/12/2020 không có cơ sở chấp nhận, cần xác định thời điểm cấp dưỡng cho cháu L đến khi cháu L đủ 18 tuổi, theo quy định của pháp luật.

Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con chung và các bên đương sự có yêu cầu thì Toà án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian hôn nhân anh P và chị V cùng xác nhận không có tài sản chung. Vợ chồng không có tài sản cho vay và không có nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Hội đồng xét xử không tiếp tục xem xét thêm.

[6] Đối với các yêu cầu khác: Ngày 24/6/2024 Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm nhận được đơn kiến nghị đề ngày 19/6/2024, tại biên bản lấy lời khai ngày 02/7/2024, tại phiên tòa chị V yêu cầu anh P chia ruộng đất cho con chung cháu L; yêu cầu anh P trả tiền nuôi con riêng của anh P từ năm 2012 đến 2020 với số tiền 100.000 đồng/ngày; yêu cầu anh P bồi thường tổn thất về tinh thần với số tiền 25.000.000 đồng. Ngày 26/6/2024 Toà án nhân dân huyện Bảo Lâm có ra thông báo trả lời kiến nghị số 20/TB-TA với nội dung đối với các yêu cầu: yêu cầu ông P trả tiền nuôi con riêng của anh P, yêu cầu chia ruộng đất cho con chung không thuộc phạm vi xem xét giải quyết trong vụ án này (Căn cứ vào Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015); đối với yêu cầu buộc ông P phải bồi thường tổn thất về tinh thần với số tiền 25.000.000 đồng, chị V phải có tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình và phải làm đơn phản tố riêng; tuy nhiên, chị V không chứng minh được và cũng không làm đơn phản tố riêng Hội đồng xét xử không xem xét. Hiện nay Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chỉ quy định về chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, mà không có chế định chia tài sản chung của vợ chồng cho con, chi trả tiền nuôi con riêng và yêu cầu bồi thường tổn thất về tinh thần. Ngoài ra, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình; do đó, không có căn cứ để chấp nhận các yêu cầu mà bị đơn.

[7] Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, anh P phải chịu số tiền 300.000 đồng, án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

- Án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ điểm đ, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, anh P phải chịu mức án phí dân sự sơ thẩm như đối với trường hợp vụ án dân sự không có giá ngạch.

Xác nhận, anh P đã nộp số tiền 300.000 đồng, tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng theo biên lai số 0003577 ngày 11/6/2024. Anh P phải nộp thêm số tiền 300.000 đồng, án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[9] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà phù hợp với các nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về áp dụng pháp luật: Căn cứ các Điều 9; khoản 1, Điều 51; Điều 53, khoản 1, Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4, Điều 147; khoản 2, Điều 229; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự; điểm a, khoản 5, điểm đ, khoản 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh P yêu cầu về việc “Xin ly hôn” đối với chị V. Anh P và chị V chấm dứt quan hệ hôn nhân.

3. Về con chung: Giao cháu L, sinh ngày 28/8/2014 cho chị V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Anh P thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng với số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

Khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Đương sự có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Anh P, chị V tự nguyện thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

5. Về án phí: Anh P phải chịu số tiền 300.000 đồng, án phí Hôn nhân và

gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003577 ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng;

Anh P còn phải nộp số tiền 300.000 đồng, án phí của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND xã N1;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký và đóng dấu)

Nông Đức Thọ

